BÀI TẬP

1. Tìm và sửa lỗi sai:

# if 5 > 2:

print("Năm lớn hơn hai!")

**dòng 2 phải thụt vô**

1. Bỏ kí tự bất hợp lệ ở tên biến sau:

# 2my-first\_name = "John"

# Bỏ dấu ngang giữa

1. Thêm từ khóa để biến x thành biến toàn cục

def myfunc():

x

x = "fantastic"

\_

­­\_\_\_--

1. Cho biết kết quả của chương trình sau:

x = "Hello World"

print(type(x))

<class ‘str’>

1. Cho biết kết quả của chương trình sau:

x = ("apple", "banana", "cherry")

print(type(x))

<class ‘tuple’>

1. Điền vào từ khóa để chuyển x sang kiểu số thực

x = 5

x =

(x)

float

1. Trả về chuỗi không có khoảng trắng ở đầu và cuối

txt = " Hello World "

x =

txt = " hello work "

text = txt.strip(' ')

print(text)

1. Thay thế ký tự H thành J

txt = "Hello World"

txt = txt. ( ,

)

txt = " hello work "

print(txt.replace("H","J"))

1. Điền phần còn thiếu vào chỗ trống

age = 36

txt = "My name is John, and I am

"

# print(txt.format(age))

My name is John, and I am

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

# print(bool("abc"))

True

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

# print(10 == 9)

Flase

1. Điền từ khóa thích hợp để câu lệnh bên trong if được xuất ra màn hình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| if 5 == 10 | or | 4 == 4: |
| print("Một trong 2 điều kiện đúng") | | |

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

# print(10 // 4)

# \*2

1. Cho biết kết quả xuất ra của dòng lệnh

sum = 0

for i in range(1,10,2) sum += i

print(sum)

25

1. Cho biết kết quả xuất ra của dòng lệnh

i= 0

while i < 5:

print(i) i++

1. Cho biết kết quả xuất ra của dòng lệnh

sum = 0

for i in range(5)

sum += i print(sum)

0,1,3,6,10

1. Thay đổi “apple” thành “kiwi” của list sau:

|  |  |
| --- | --- |
| fruits = ["apple", "banana", "cherry"] | |
|  | = |
|  |

Fruits[1] = ‘kiwi’

1. Thêm “lemon” vào vị trí thứ 2 của danh sách

|  |  |
| --- | --- |
| fruits = ["apple", "banana", "cherry"] | |
|  | "lemon") |
|  |

Fruits.insert(1, ‘lemon’)

1. Lấy giá trị phần từ cuối cùng, dùng chỉ số âm

fruits = ["apple", "banana", "cherry"]

print( )

Print(fruits[-1])

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

x = lambda a : a + 10 print(x(5))

15

1. Xuất phần tử thứ 3, 4, 5 của danh sách

# fruits = ["apple", "banana", "cherry", "orange", "kiwi",

"melon", "mango"]

print(fruits[ ])

print(fruits[2],fruits[3],fruits[4])

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

# fruits = ["apple", "banana", "cherry", "orange", "kiwi",

"melon", "mango"]

print(fruits[4:]

[‘kiwi’, ‘melon’, ‘mango’]

1. Cho dòng lệnh, viết thêm câu lệnh để thêm “lemon” vào cuối:

# fruits = {"apple", "banana", "cherry"}

fruits.append(“’lemon”)

1. Cho dòng lệnh, sử dụng lệnh “discard” đề xóa “banana” khỏi fruits

# fruits = {"apple", "banana", "cherry"}

del fruits[1]

1. Viết lệnh thêm cặp “color”:”red” vào cuối của car

car = {

"brand": "Ford",

"model": "Mustang", "year": 1964

}

Car[color] = “red”

1. Thay đổi năm từ 1964 -> 2020

car = {

"brand": "Ford",

"model": "Mustang", "year": 1964

}

Car[“year”] =2020

1. Điền vào chỗ trống để khi i = 3 sẽ nhảy tới vòng lăp tiếp theo

i = 0

while i < 6: i += 1

if i == 3:

print(i)

continue

1. Điền tham số thích hợp vào chỗ trống

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| def my\_function( | str | kids): |
| print("The youngest child is " + kids[2]) | | |

1. Hãy tạo một đối tượng của lớp MyClass có tên p1

class MyClass:

x = 5

P1 = “hihi”

1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

class Person:

def

(self, name, age):

self.name = name

self.age = age

Def sinhvien(self,name,age)

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh

def myfunc(n):

return lambda a : a \* n

# mydoubler = myfunc(2) print(mydoubler(11))

1. Cho list1 = [3, 4, 5, 20, 5, 25, 1, 3] , cho biết giá trị của list1 sau khi thực hiện lệnh list1.pop(1)?

Mất phần tử thứ 2 trong mảng

1. time.time() trả về số giây tính tư epoch , hay còn gọi là giá trị timestamp
2. Hàm được định nghĩa bên trong lớp (class) được gọi là
3. Toán tử nào là quá tải hàm của hàm or()
   1. ||
   2. |
   3. //
   4. /
4. Kết quả đầu ra của đoạn chương trình sau:

i **=** 0

**while** i < 3:

print i i**++**

print i**+**1

1. Kết quả đầu ra của đoạn chương trình sau:

print "Dalat university"[::**-**1]

chuỗi đảo ngược : ytisrevinu talaD

1. Một hàm không trả về giá trị nào, giá trị trả về được nhìn thấy khi gọi hàm hoặc khi hàm được thực thi tại shell là gì?
   1. int
   2. bool
   3. void
   4. None
2. Kết quả xuất ra của đoạn chương trình sau print (0.1 + 0.2 == 0.3)

False

1. ~~~~~~5 tương đương với giá trị nào?

a. +5

b. -6

c. +6

d. -5

1. ~~~18 tương đương với giá trị nào
   1. 18
   2. 19

c. -19

d. -18

1. Cho s = “Welcome”, biểu thức nào sau đây không đúng
   1. print(s[0])
   2. print(s.lower())
   3. print(s.strip())
   4. s[1]= a
2. Để chạy python ở chế độ dòng lệnh, sử dụng lệnh
   1. excute python
   2. run python
   3. python
   4. go python
3. Đâu không phải kiểu dữ liệu gốc
   1. Tuples
   2. Dictionary
   3. Lists
   4. Class
4. Kiểu dữ liệu của L là gì?

L = [1, 23, ‘hello’, 1]

List

1. Cho biết kết quả xuất ra của chương trình sau:

nameList **=** ['Harsh', 'Pratik', 'Bob', 'Dhruv'] pos **=** nameList.index("Bob")

print (pos **\*** 3)

6 (index() trả về vị trí trong mảng)

1. Cho biết kết quả xuất ra của chương trình sau:

D **=** dict()

**for** x **in** enumerate(range(2)): D[x[0]] **=** x[1]

D[x[1]**+**7] **=** x[0]

print(D)

a. {0: 1, 7: 0, 1: 1, 8: 0}

b. {1: 1, 7: 2, 0: 1, 8: 1}

c. {0: 0, 7: 0, 1: 1, 8: 1}

d. Key error

1. Cho biết kết quả xuất ra của chương trình sau:

a **=** {i: i **\*** i **for** i **in** range(6)} print (a)